TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HS-ST
Ngày 04/7/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tư

2. Bà Nguyễn Thị Bắc

- Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Bảo Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hóa - Kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 101/2025/TLST - HS ngày 19 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 111/2025/QĐXXST - HS ngày 23 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

TRẦN HẢI Đ (tên gọi khác: Không), sinh ngày 17 tháng 9 năm 1996 tại Cà Mau; cư trú: Khóm 4, phường T, (trước đây là phường T, thành phố Cà Mau), tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1977; bị cáo chưa có vợ, con; nhân thân xấu.

Tiền án: 01 tiền án

- Ngày 05 tháng 02 năm 2016 Tòa án nhân dân huyện AM, tỉnh Kiên Giang xử phạt 09 tháng tù về tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 tại Bản án số 06/2016/HSST;

- Ngày 23 tháng 02 năm 2016 Tòa án nhân dân thành phố CM, tỉnh Cà Mau xử phạt 09 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 tại Bản án số 18/2016/HSST;

Tổng hợp hình phạt là 01 năm 06 tháng tù, chấp hành án tại Trại giam Kênh 7, tỉnh Kiên Giang; ngày 20 tháng 01 năm 2017 chấp hành xong hình phạt tù, đã thi hành xong án phí, chưa thi hành nghĩa vụ bồi thường dân sự.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19 tháng 7 năm 2024 đến nay. Hiện bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dịch vụ Vận tải H; địa chỉ: Đường TĐT, phường T (trước đây là khóm 5, phường 6, thành phố CM), tỉnh Cà Mau. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh N - Giám đốc. Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lâm Thị Thân T, sinh năm 1987; địa chỉ: Hẻm số 39/5 đường LNĐ, phường HP (trước đây là phường Trà Bá, thành phố P), tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Ông Phạm Cao C, sinh năm 1989; địa chỉ: Hẻm số 40/13 đường PNL, phường HP (trước đây là phường TB, thành phố P), tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dịch vụ Vận tải H (viết tắt Công ty Vận tải H) là doanh nghiệp hợp pháp, kinh doanh một số ngành nghề về vận tải đường bộ, đường thủy và buôn bán hàng hóa liên quan đến ô tô. Ngày 05 tháng 12 năm 2022, Công ty Vận tải H nhận Trần Hải Đ làm nhân viên hợp đồng, phân công làm phụ cho xe ô tô biển số 69B-003.35, chạy tuyến Cà Mau - Kon Tum và ngược lại; hưởng lương theo từng chuyến đi; công việc được giao là quản lý việc nhận, trả khách; nhận hàng, thu tiền để giao lại cho Công ty Vận tải H.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024 tại Bến xe thành phố CM, Đ nhận 02 thùng hàng chứa hải sản để vận chuyển đến giao tại Bến xe ĐLGL, khu vực 7 - Gia Lai; thu 18.900.000 đồng tiền hàng và 200.000 đồng tiền cước vận chuyển. Sáng ngày 27 tháng 02 năm 2024, xe ô tô biển số 69B-003.35 chạy đến Bến xe ĐLGL, Đ trả khách và giao 02 thùng hàng tại điểm tập kết hàng hóa của công ty cho anh Phạm Cao C - nhân viên điểm giao nhận hàng hoá; đồng thời, Đ nói với anh C tiền cước vận chuyển 02 thùng hàng là 400.000 đồng (Đ tự báo thêm lên 200.000 đồng), tiền hàng cần thu hộ là 18.900.000 đồng, rồi lên xe ô tô biển số 69B-003.35 đi đến Bến xe tỉnh Kon Tum. Đến trưa ngày 27 tháng 02 năm 2024, Đ quay lại Bến xe ĐLGL, gặp chị Lâm Thị Thanh T - nhân viên bán vé xe ô tô của công ty tại Bến xe ĐLGL, nhận số tiền 19.300.000 đồng để đem về nộp lại cho Công ty Vận tải H. Đ lấy 300.000 đồng, còn 19.000.000 đồng, Đ đưa lại và nói chị T chuyển khoản số tiền trên cho Đ (do Đ không muốn giữ tiền mặt). Khoảng 10 giờ cùng ngày, chị T chuyển 19.000.000 đồng vào tài khoản số 10487071610 Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam sau đó Đ đi theo xe về lại thành phố CM, tỉnh Cà Mau. Khi về đến thành phố CM, Đ nộp cho Công ty

Vận tải H 200.000 đồng tiền cước vận chuyển còn tiền hàng 18.900.000 đồng và tiền cước tăng thêm 200.000 đồng, Đ không nộp cho công ty mà tự nghỉ việc, rồi bỏ trốn.

Ngày 18 tháng 3 năm 2024, Cơ quan điều tra tiếp nhận đơn tố giác của ông Nguyễn Thanh N - Giám đốc Công ty Vận tải H. Tại Cơ quan điều tra, Trần Hải Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên và giao nộp cho Công ty Vận tải H số tiền 18.900.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 67/CT - VKS ngày 10 tháng 3 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố bị cáo Trần Hải Đ về tội "*Tham ô tài sản*" theo khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo Trần Hải Đ thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, bị cáo đồng ý với nội dung truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P nêu trong Cáo trạng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị xét xử bị cáo Trần Hải Đ về tội "*Tham ô tài sản*" theo khoản 1 Điều 353; đề xuất áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*Tái phạm*" theo điểm h khoản 1 Điều 52; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Người phạm tội khắc phục hậu quả*", "*thành khẩn khai báo*" quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 với mức án từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung. Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát đề xuất nghĩa vụ án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Trần Hải Đ là nhân viên hợp đồng của Công ty Vận tải H, nhiệm vụ là phụ xe ô tô biển số 69B - 003.35 chạy tuyến Cà Mau - Kon Tum và ngược lại, công việc cụ thể được giao là nhận và trả khách, nhận hàng hóa, thu tiền hàng, tiền cước để về nộp lại cho công ty. Ngày 27 tháng 02 năm 2024, lợi dụng đang là người trực tiếp bảo quản các khoản tiền hàng, tiền cước sau khi thu được số tiền 18.900.000 (mười tám triệu chín trăm nghìn) đồng tiền hàng, Đ không nộp lại cho Công ty Vận Tải H mà chiếm đoạt, tiêu xài cá nhân.

Vận tải hàng hóa là một trong ngành nghề kinh doanh đã Đ ký hoạt động của Công ty

Vận tải H. Giao dịch vận chuyển hàng thu hộ tiền hàng thiết lập giữa người gửi và đơn vị vận chuyển trong đó ngoài nghĩa vụ liên quan đến vận tải hàng hóa Công ty Vận Tải H còn có nghĩa vụ thu, giữ và gửi lại tiền hàng cho người gửi. Như vậy, tiền hàng trước khi được chi trả cho người gửi là tài sản của Công ty Vận tải H.

Trần Hải Đ là phụ xe ô tô biển số 69B - 003.35, đảm nhiệm công việc độc lập có trách nhiệm quản lý tiền hàng Công ty Vận Tải H đã thu hộ.

Tham ô tài sản theo Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 được quy định như sau: "*1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng ....thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm..".*

Do đó hành vi của bị cáo Trần Hải Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tham ô tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố.

Hành vi lợi dụng quyền hạn trong công việc chiếm đoạt tài sản của doanh nghiệp mà bị cáo đang quản lý là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm hoạt động đúng đắn của doanh nghiệp và quyền sở hữu hợp pháp được Hiến pháp và pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù của 02 (hai) bản án nhưng chưa thi hành nghĩa vụ bồi thường nên chưa được xóa án tích vì vậy lần phạm tội này là "*tái phạm*"; đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Nhận thấy khả năng bị cáo tự rèn luyện kém,bản tính lười lao động, coi thường tính nghiêm minh của pháp luật, cần thiết áp dụng hình phạt tù tương xứng tính chất, mức độ phạm tội mới đủ sức răn đe bị cáo tiếp tục phạm tội và ngăn ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, bị cáo Trần Hải Đ sau khi phạm tội đã nộp lại toàn bộ tiền hàng đã chiếm đoạt, thành khẩn khai báo về hành vi đã thực hiện; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Người phạm tội khắc phục hậu quả*", "*Thành khẩn khai báo*" quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này để giảm một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Công ty Vận tải H đã nhận đủ tiền hàng bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường nào khác nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Hải Đ.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Hải Đ phạm tội "***Tham ô tài sản***"

- Áp dụng khoản 1 Điều 353, Điều 38, Điều 50, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Hải Đ 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Hải Đ phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai;
- Tổ Điều tra khu vực 1
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký
Võ Thị Thanh Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**